

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Ngôn

2. Bà Võ Thị Tiếng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2019/QĐST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: đường H, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Trung T - Chuyên viên Tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 9 năm 2019. Có mặt.

2. Bị đơn: 2. 1. Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1971.

2. 2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Trần Trung T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M có ký Hợp đồng tín dụng số: 0118/10/CN/TD/TDH/III.3, ngày 14/5/2010 với số tiền vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay: Trong hạn lãi suất được quy định trong từng thời điểm theo từng giấy nhận nợ. Quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa nhà ở.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất có diện tích 67,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.028511A do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Nguyễn Bá V ngày 02/12/2009 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công chứng L và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L chứng nhận ngày 14/5/2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M đã trả cho Ngân hàng hết nợ vốn. Tính đến ngày 26/11/2019 ông V và bà M chỉ còn nợ lại 9.765.671đ tiền lãi.

Do đó, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V và bà M trả nợ gốc, chỉ yêu cầu ông V và bà M liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền lãi còn nợ 9.765.671đ. Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì yêu cầu ông V, bà M tiếp tục có trách nhiệm trả khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Tuyết M là bị đơn mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa ông V và bà M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thủ tục tố tụng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177 BLTTDS.

Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ phần yêu cầu trả vốn gốc của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M. Ông V và bà M cư trú tại khóm M, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông V và bà M vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M.

[2] Về nội dung: Ngày 14 tháng 5 năm 2010 ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M ký Hợp đồng tín dụng số: 0118/10/CN/TD/TDH/III.3 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong được quy định trong từng thời điểm theo từng giấy nhận nợ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất có diện tích 67,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.028511A do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Nguyễn Bá V ngày 02/12/2009 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công chứng L và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L chứng nhận cùng ngày 14/5/2010.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M đã trả cho Ngân hàng hết nợ vốn. Tính đến ngày 26/11/2019 ông V và bà M chỉ còn nợ lại 9.765.671đ tiền lãi. Do đó, nay Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V và bà M trả nợ gốc, chỉ yêu cầu ông V và bà M liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền lãi còn nợ 9.765.671đ. Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì yêu cầu ông V, bà M tiếp tục có trách nhiệm trả khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[4] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết ông Nguyễn Bá V có tham gia phiên hòa giải ngày 31/10/2017, nhưng vắng mặt bà Huỳnh Thị Tuyết M. Tại

phiên hòa giải, ông V thừa nhận ông và bà M có xác lập với Ngân hàng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như Ngân hàng trình bày. Ông trình bày do điều kiện không thể thanh toán ngay cho Ngân hàng, nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho gia hạn và xin được giảm lãi, nhưng không được Ngân hàng đồng ý.

Sau đó Tòa án tiếp tục thực hiện thủ tục thông báo công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng ông V và bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Do ông V và bà M vắng mặt nên Tòa án thực hiện thủ tục thông báo kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có ấn định thời hạn cho các đương sự nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, yêu cầu triệu tập đương sự, người tham gia tố tụng khác khi giải quyết vụ án. Nhưng hết thời hạn ấn định, ông V và bà M vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập, ông V và bà M cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0118/10/CN/TD/TDH/III.3, ngày 14/5/2010; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 được Văn phòng Công chứng L và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L chứng nhận ngày 14/5/2010 và lời trình bày của ông Nguyễn Bá V tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 31/10/2017 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M liên đới chịu trách nhiệm trả 9.765.671đ tiền lãi và chấp nhận yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 để đảm bảo thi hành án, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Đối với việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông V và bà M liên đới chịu trách nhiệm trả 9.765.671đ tiền lãi, không yêu cầu trả tiền gốc, (vì đã thanh toán xong). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

[6] Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó ông V và bà M phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng đã tạm ứng.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M phải liên đới chịu 488.000đ (Bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại 494.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017771, ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 244; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Buộc ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền lãi 9.765.671đ (Chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M trả vốn gốc cho Ngân hàng.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0118/10/TC/III.3, ngày 14/5/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M, được Văn phòng Công chứng L và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L chứng nhận ngày 14/5/2010 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4. Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Ông Nguyễn Bá V và bà Huỳnh Thị Tuyết M phải liên đới chịu 488.000đ (Bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại 494.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017771, ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa